

Số: /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án
Phát triển nhà ở Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thanh, huyện
Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (nay là xã Phú Dục, tỉnh Hưng Yên)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản REATIMES Thái Bình tại Văn bản số 197/2025/CV-RTTB ngày 09 tháng 10 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 370/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Phát triển nhà ở Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (sau đây gọi là Dự án) của Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản REATIMES Thái Bình và Công ty Cổ phần kinh

doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản REATIMES Thái Bình là đại diện Chủ dự án (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phụ Dực, tỉnh Hưng Yên với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phụ Dực; Người đại diện theo pháp luật của Chủ dự án; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Trung tâm PVHCC (cơ sở 1) *(trả kết quả)*;
- UBND xã Phụ Dực;
- Công ty CPĐT BĐS REATIMES Thái Bình;
- Công ty CP KD phát triển nhà và Đô thị Hà Nội;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh *(đăng tải công khai)*;
- Lưu: VT, KT2 ^{Thìn}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lại Văn Hoàn

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Của dự án Phát triển nhà ở khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Phát triển nhà ở Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Phú Dục, tỉnh Hưng Yên.
- Chủ Dự án: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản REATIMES Thái Bình và Công ty Cổ phần kinh doanh phát triển nhà và đô thị Hà Nội.
- Đại diện chủ Dự án: Công ty Cổ phần Đầu tư bất động sản REATIMES Thái Bình.
- Địa chỉ: Lô L19/LK2, thuộc dự án phát triển nhà ở khu dân cư, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô công suất

Tổng diện tích đất theo quy hoạch là 96.124,1 m²; trong đó: Diện tích đất đường quy hoạch ĐH 72: 3.841,3 m²; diện tích đất thực hiện dự án là 92.282,8 m², bao gồm: Đất xây dựng nhà ở 56.716,6 m², đất giao thông 23.604 m², đất hạ tầng kỹ thuật 640 m², đất công viên, cây xanh 10.748,6 m², đất công trình công cộng 321,8 m², đất tôn giáo tín ngưỡng: 206,8 m².

- Quy mô dân số: Khoảng 800 người.
- Số lượng các loại nhà ở: 232 lô đất ở.
- Phạm vi đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này không bao gồm các hoạt động: Khai thác vật liệu phục vụ thi công, xây dựng công trình hạ tầng xã hội (công trình hạ tầng xã hội được bàn giao cho chính quyền địa phương đầu tư hoặc thực hiện kêu gọi nhà đầu tư theo quy định).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư:

- San nền.
- Đầu tư xây dựng các công trình giao thông gồm các tuyến đường sau:
 - + Đường quy hoạch số 1, số 1A, số 2, số 2A, số 4, số 4A, số 5, số 5A (mặt cắt 4-4): Bề rộng 10,0m; mặt đường rộng 6,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 1,5m; dải cây xanh cắt tĩa mỗi bên rộng 0,5m (0,5+1,5+6,0+1,5+0,5); tổng chiều dài đường quy hoạch số 1, số 1A, số 2, số 2A, số 4, số 4A, số 5, số 5A là 1.600,3m.

+ Đường quy hoạch số 3A (mặt cắt 2-2): Bề rộng 20,0m, mặt đường rộng 10,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 4,0m; dải cây xanh cắt tĩa mỗi bên rộng 1,0m (1,0+4,0+10,0+4,0+1,0); chiều dài đường quy hoạch số 3A là 40,5m.

+ Đường quy hoạch số 3 (mặt cắt 3-3): Bề rộng 15,0m, mặt đường rộng 9,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 2,0m; dải cây xanh cắt tĩa mỗi bên rộng 1,0m (1,0+2,0+9,0+2,0+1,0); tổng chiều dài đường quy hoạch số 3 là 338,9m;

+ Đường quy hoạch trục thôn (mặt cắt 5-5): Bề rộng 10,0m, mặt đường rộng 6,0m; vỉa hè mỗi bên rộng 1,5m; dải cây xanh cắt tĩa mỗi bên rộng 0,5m (0,5+1,5+6,0+1,5+0,5); tổng chiều dài đường trục thôn là 403,2m;

- Đầu tư xây dựng phần thô hoàn thiện mặt ngoài tại 14 lô có mặt tiền giáp với đường ĐH - 72 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở cho người dân; đối với các lô đất các trục đường còn lại (218 lô), Chủ đầu tư chuyển nhượng đất nền cho người dân tự xây dựng.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường, cấp điện, hệ thống điện chiếu sáng, hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh sử dụng công cộng và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định tại Khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng dự án: Bụi, khí thải từ phá dỡ, san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công.

2.2. Giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân trong giai đoạn giải phóng mặt bằng và thi công xây dựng trên công trường với lưu lượng tối đa khoảng 1,75 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: pH,

BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng Coliform, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion. Nước thải thi công phát sinh từ các hoạt động: rửa xe, vệ sinh máy móc với lưu lượng khoảng 4 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...; đào móng của 14 lô mặt ngoài khoảng 3 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt của khu dân cư với lưu lượng khoảng 93 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: pH, BOD₅, COD, TSS, Sunfua, Amoni (tính theo N), tổng Nitơ, tổng Phốt pho, tổng Coliform, dầu mỡ động thực vật, chất hoạt động bề mặt anion.

- *Bụi, khí thải:*

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ quá trình phá dỡ, san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, vận chuyển nguyên liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- *Chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Giai đoạn thi công xây dựng khoảng 25,85 kg/ngày, bao gồm: Thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, túi nilon,....

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 800kg/ngày; thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ (rau, vỏ hoa quả, thức ăn thừa...), nhựa, thủy tinh,...

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải phát quang thực vật khoảng 61,35 tấn; chất thải rắn từ quá trình nạo vét kênh mương thủy lợi khoảng 22.803,34 tấn; chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục phát sinh khoảng 1.387,3 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải từ trạm xử lý nước thải khoảng 1.665 kg/năm; bùn thải từ hoạt động nạo vét định kỳ mạng lưới thoát nước mưa khoảng 1,46 tấn/năm; vật liệu PP từ hệ thống xử lý khí thải khoảng 572 kg/năm; **cát thải từ bồn lọc khoảng 870kg/năm.**

- *Chất thải nguy hại:*

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải nguy hại (giẻ lau, găng tay dính dầu, vải lọc dầu, nhựa đường thải, vỏ thùng sơn,...) phát sinh khoảng 14,86 kg/tháng.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân khoảng 58,4 kg/năm, bao gồm: Hộp mực in thải, pin, ắc quy thải,...; chất thải nguy hại phát sinh từ trạm xử lý nước thải khoảng 40 kg/năm, bao gồm: Pin, ắc quy thải, bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải, giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại.

3.3. Tiếng ồn và độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của các máy xúc, máy ủi, máy cày, xe tải nặng, máy khoan, máy ép cọc,... và hoạt động của các phương tiện vận chuyển.

- Giai đoạn vận hành: Từ hoạt động của các phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân, vận hành trạm xử lý nước thải.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh của công nhân thi công trên công trường được xử lý bằng 02 nhà vệ sinh di động (dung tích 2.000 lít/nhà vệ sinh). Chủ dự án đầu tư thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải từ các nhà vệ sinh theo quy định.

+ Nước thải thi công: Nước thải từ quá trình rửa xe được dẫn qua bể tách dầu và lắng cặn ba ngăn dung tích 8 m³. Ngăn 1 có dung tích 2m³ (kích thước 2x1x1m) được bố trí làm ngăn tách dầu; ngăn 2 có dung tích 4m³ (kích thước 4x1x1m) được bố trí làm ngăn lắng cặn lơ lửng; ngăn 3 có dung tích 2m³ (kích thước 2x1x1m) làm ngăn chứa nước trong; nước sau lắng, được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình thi công xây dựng Dự án.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thu gom và thoát nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

+ Hệ thống thoát nước mưa: Thu gom bằng các hố ga, hệ thống cống thoát nước, bao gồm: Cống tròn bê tông cốt thép DN300 dài 533m; cống tròn bê tông cốt thép DN600 dài 1830m; cống tròn bê tông cốt thép DN800 dài 282m; cống tròn bê tông cốt thép DN1000 dài 202m; hố ga thăm 88 hố; hố ga thăm thu kết hợp 16 hố, hố ga thu nước 159 hố. Nước mưa thoát ra 03 vị trí của xả:

CX1: $X_{(m)} = 2282876.648$; $Y_{(m)} = 596944.546$;

CX2: $X_{(m)} = 2282949.723$; $Y_{(m)} = 597106.283$;

CX3: $X_{(m)} = 2283011.977$; $Y_{(m)} = 597246.869$;

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiếu 3°)

+ Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà dân, công trình công cộng được thu gom bằng các hố ga, hệ thống đường ống thoát nước: ống PE (D300): 2764m; ống PE (D400): 546m; ống thoát nước thải HDPE (D75): 245m, hố ga loại 1: 137 hố, hố ga loại 2: 10 hố thu về trạm xử lý nước thải tập trung công suất 93 m³/ngày đêm; xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A), sau đó thoát ra kênh thủy lợi phía Nam của dự án qua 01 cửa xả, tọa độ:

$$X_{(m)} = 2282948.82, Y_{(m)} = 597103.88$$

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn tại các khối nhà → Tách rác thô → Hố ga thu gom → Bể gom → Bể tách cát, tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công xây dựng, nước thải vệ sinh phương tiện vận chuyển, thi công và nước thải khác trước khi thực hiện các hoạt động thi công xây dựng, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng Dự án được thu gom, xử lý trước khi tái sử dụng cho thi công xây dựng.

+ Xây dựng, vận hành mạng lưới thu gom nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành của Dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất $93 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) trước khi xả môi trường. Không được phép xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải hoặc nước thải sau xử lý không đạt quy định này.

+ Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, bảo đảm trạm xử lý nước thải luôn vận hành bình thường.

+ Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng: Quây tôn che chắn xung quanh khu vực thi công, che chắn thùng chứa của các phương tiện vận chuyển, phun ẩm giảm thiểu bụi phát sinh; sử dụng phương tiện được đăng kiểm; tăng cường công tác vệ sinh phương tiện.

- Giai đoạn vận hành:

Trồng cây xanh bảo đảm diện tích quy hoạch; tăng cường công tác vệ sinh môi trường hằng ngày.

Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải kín, thiết bị xử lý khí, mùi công suất $1.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$; quy trình xử lý: Khí, mùi (hệ thống xử lý nước thải) → Ống thu khí → Quạt hút → Tháp hấp thụ (NaOH, NaClO) → Ống thoát khí → Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung

quanh trong các giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án bảo đảm tỷ lệ cây xanh tối thiểu đạt quy định tại Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng.

+ Bố trí hệ thống xử lý mùi tại khu vực trạm xử lý nước thải; trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực trạm xử lý nước thải, bảo đảm khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh theo quy định.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện công tác phân loại tại nguồn, thu gom vào các thùng chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Đất bóc tách hữu cơ bề mặt được sử dụng trồng cây xanh trong khu vực dự án; **chất thải phát quang thực vật hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý**; bùn, đất nạo vét kênh mương, đất giao thông nội đồng, đất đào móng thi công xây thô hoàn thiện mặt ngoài 14 lô được tận dụng san nền tại dự án; chất thải xây dựng được thu gom, phân loại, chất thải có thể tái sử dụng như sắt thép, nhựa, bao bì xi măng, thùng sơn... thu gom, bán phế liệu; chất thải không tái chế được như vôi vữa thải, phế thải xây dựng... được thu gom về khu tập kết tạm thời bố trí trong phạm vi mặt bằng thi công của dự án, vận chuyển đến vị trí đổ thải theo đúng quy định. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển về vị trí đổ thải dự kiến (Khu chuyển đổi nuôi trồng thủy sản ngoài đô thị xã Phú Dục diện tích 2.000 m², chiều cao đê thải 1,0 m, thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân xã Phú Dục).

- Giai đoạn vận hành:

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Thực hiện công tác phân loại tại nguồn, lưu giữ bằng các thùng chứa của hộ gia đình, thùng chứa chất thải rắn tại khu cây xanh, hạ tầng kỹ thuật chuyên giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Đối với bùn thải, cặn lắng từ hệ thống thoát nước mưa, nước thải, hệ thống xử lý nước thải được đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Bảo đảm toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại tại nguồn, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

+ Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Bố trí kho lưu chứa diện tích 5 m², tường và cửa kiên cố, nền chống thấm; sử dụng 04 thùng chứa có nắp đậy, dung tích 120 lít/thùng; định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Đối với hộ gia đình: Khuyến khích các hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn; chất thải nguy hại phát sinh được thu gom cùng với chất thải rắn sinh hoạt, được phân loại, xử lý theo quy định của đơn vị thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung, hệ thống xử lý khí thải: Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại tại khu đất hạ tầng kỹ thuật diện tích 10m²; sử dụng các bao bì, thùng chứa có nắp đậy để lưu chứa; đơn vị quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện thu gom, lưu giữ, ký hợp đồng với đơn vị có đủ năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và bảo đảm toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án luôn được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc, thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn bảo đảm mức ồn nằm trong giới hạn cho phép, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng nhằm bảo đảm an toàn trong quá trình thi công; hạn chế thi công đồng thời các máy móc, thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, tránh thi công vào giờ cao điểm.

- Giai đoạn vận hành: Lắp đặt thiết bị chống ồn, rung, kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với máy móc của trạm xử lý nước thải tập trung; trồng cây xanh xung quanh trạm xử lý tập trung và các vị trí theo quy hoạch.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, bảo đảm các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Giám sát môi trường không khí*

- + Vị trí giám sát: 02 vị trí (Phía Đông và Phía Nam của dự án)
- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần và đột xuất khi có sự cố, ý kiến của người dân.
- + Các thông số giám sát: SO₂, CO, NO₂, tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.

+ Quy chuẩn so sánh:

+ Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2023/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Giám sát nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

- Giám sát nước thải sinh hoạt: Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải bảo đảm đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A).

- Giám sát việc vận hành hệ thống xử lý mùi bảo đảm đạt QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi thải ra ngoài môi trường (cột C).

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về tổng lượng, quá trình thu gom, lưu giữ, vận chuyển xử lý; định kỳ chuyển giao chất thải cho đơn vị có đủ năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại các Nghị định: Số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; các Thông tư: Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường sau:

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành và chỉ được phép triển

khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giao đất, thuê đất theo quy định; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành. Xây dựng phương án sử dụng tầng đất mặt của đất được chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức thực hiện theo quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa; bảo đảm phù hợp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu tại Quyết định này.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Thực hiện các biện pháp tổ chức thi công và các giải pháp kỹ thuật phù hợp để giảm thiểu bụi, khí thải và tiếng ồn, độ rung; bảo đảm chất lượng nước mưa chảy tràn; chống ngập úng và sạt lở trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để bảo đảm việc tập kết vật liệu xây dựng, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Thực hiện đúng các quy định của nhà nước; phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh do các hoạt động của Dự án gây ra.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về đất đai, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản; thủy lợi; xả nước thải vào nguồn nước, tài nguyên nước, các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, phòng chống dịch bệnh và các quy định của pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Chịu trách nhiệm giám sát các hoạt động xây dựng và vận hành các hạng mục công trình của Dự án bảo đảm tuân thủ đầy đủ các Quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và được cấp giấy phép môi trường theo quy định; lập phương án và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án theo quy định.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Chịu trách nhiệm và cam kết bồi thường, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro khi thực hiện Dự án.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ hộ gia đình cá nhân trong khu dân cư theo điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không bảo đảm công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư xây dựng./.
